TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 57/2024/DS-PT Ngày 06/3/2024 V/v "Tranh chấp thừa kế tài sản"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bé.
Các Thẩm phán: Bà Thái Thị Phi Yến.
Bà Mai Vương Thảo.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Huỳnh Trung Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng:*** Bà Lương Thị Chung - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 220/2023/TLPT-DS ngày 22 tháng 11 năm 2023 về *"Tranh chấp thừa kế tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 241/2023/DSST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 22/2024/QĐ-PT ngày 31 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 69/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1959; Địa chỉ: Số 03 đường T, tổ 24, phường H, quận C, thành phố Đ. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn S, sinh năm 1955; Địa chỉ: Số 09 đường T, tổ 23 phường H, quận C, thành phố Đ. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1953; Địa chỉ: Thôn C, Suối Tân, huyện C, tỉnh K. Có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1965; Địa chỉ: Kiệt 71/4/10 đường T, tổ 22, phường H, quận C, thành phố Đ. Có mặt.

+ Bà Lê Thị V, sinh năm 1965 ; Địa chỉ: Kiệt 09/01 đường T, phường H, quận C, thành phố Đ. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1989; Địa chỉ: Kiệt 09/01 đường T, phường H, quận C, thành phố Đ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Đức T1, sinh năm 1994; Địa chỉ: Kiệt 09/01 đường T, phường H, quận C, thành phố Đ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1958; Địa chỉ: Số 09 đường T, tổ 23 phường H, quận C, thành phố Đ. Có mặt.

+ Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số 09 đường T, tổ 23 phường H, quận C, thành phố Đ. Có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Trà L, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số 09 đường T, tổ 22 phường H, quận C, thành phố Đ. Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn S là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:* Cha bà là Nguyễn Thống, sinh năm 1919 (chết vào ngày 11/02/2009), mẹ bà là Phan Thị Sanh, sinh năm 1922 (chết ngày 10/02/2015). Cha mẹ bà có 09 người con nhưng có 02 người chết khi mới sinh chưa có tên gọi nên gọi là vô danh, còn lại gồm Nguyễn Thị S; Nguyễn S; Nguyễn Thị B; Nguyễn Bòng; Nguyễn Cam, Nguyễn Thị Q và Nguyễn Minh. Ngoài ra, cha mẹ bà không có con riêng nào khác. Ông Nguyễn Bòng chết năm 2018, có vợ là Lê Thị V và 02 con là Nguyễn Đức T và Nguyễn Đức T1. Ông Nguyễn Cam, chết năm 2019; Ông Nguyễn Minh chết năm 2014. Ông Nguyễn Cam và ông Nguyễn Minh chết không có vợ con. Sinh thời, cha mẹ bà Nguyễn Thống và Phan Thị Sanh để lại tài sản là nhà và đất tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 01, diện tích 127,2m^2 tại địa chỉ số 07 đường Tôn Đản, phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Nguyên trước đây, trước khi qua đời cha mẹ bà đã tách một phần đất cho ông Nguyễn S, nay là nhà đất ông Nguyễn S đang ở 09 Tôn Đản, phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Mặc dù vậy, khi cha mẹ qua đời, không để lại di chúc, ông Nguyễn S không cùng với các anh chị em để thống nhất chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại. Vì vậy, bà yêu cầu chia thừa kế tài sản là nhà và đất tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 01, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xác định phần diện tích còn lại sau khi thu hồi là 127,8m^2, theo kết quả đo đạc là 127,6m^2 tại địa chỉ số 07 đường Tôn Đản, phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng theo pháp luật cho 05 kỷ phần gồm bà Nguyễn Thị S; ông Nguyễn S; bà Nguyễn Thị B; bà Nguyễn Thị Q; ông Nguyễn Bòng (Vợ là Lê Thị V và 02 con là Nguyễn Đức T và Nguyễn Đức T1 được hưởng). Bà đề nghị được nhận nhà đất bằng hiện vật và thối trả kỷ phần cho những người thừa kế còn lại.

- *Bị đơn là ông Nguyễn S trình bày:* Ông thống nhất với hàng thừa kế và di sản nhà và đất của cha mẹ ông là ông Nguyễn Thống, bà Phan Thị Sanh để lại gồm thửa đất số 10, tờ bản đồ số 01, diện tích 127,2m^2 tại địa chỉ số 07 đường Tôn Đản, phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Tuy nhiên, ông không thống nhất chia thừa kế tài sản của cha mẹ ông để lại theo yêu cầu của nguyên đơn bởi khi còn sống, mẹ ông có nguyện vọng được để lại nhà này để thờ cúng ông bà tổ tiên,

bản thân ông cũng muốn thực hiện theo di nguyện của mẹ ông. Tại ngôi nhà này có thờ cúng 08 vị tổ tiên, gồm ông bà là cha mẹ ông cũng được thờ cúng tại đây. Ngôi nhà này hiện cũng không có ai ở nên ông cũng mong muốn được giữ lại thờ cúng ông bà tổ tiên. Trong trường hợp Tòa án chia thừa kế theo pháp luật, ông đồng ý nhận kỷ phần theo quy định của pháp luật bằng giá trị, người nào nhận hiện vật thì thối trả kỷ phần cho ông, ông không có nguyện vọng nhận hiện vật. Tại Văn bản ý kiến ngày 20/02/2023, bị đơn ông Nguyễn S cho rằng trước tiên, ông không đồng thuận với yêu cầu của bà Nguyễn Thị B bởi các lý do sau: Thửa đất bà B nêu trên chính là diện tích đất ở lâu dài, thửa đất số 25/1, tờ bản đồ số 01, diện tích 136m^2 được UBND huyện Hòa Vang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Thống ngày 17/12/1996. Trong khi đó, hộ ông Nguyễn Thống theo sổ hộ khẩu do Công an huyện Hòa Vang cấp ngày 10/5/1996 gồm có 09 người bao gồm: Ông Nguyễn Thống, bà Phan Thị Sanh, ông Nguyễn S, bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Cam, ông Nguyễn Minh, bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Trà L. Như vậy, thửa đất này Nhà nước cấp cho 09 người có tên nêu trên được hưởng quyền sử dụng đất, không có tên bà Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Bòng, nghĩa là 03 người này không có quyền sử dụng đất trên thửa đất này nên bà Nguyễn Thị B yêu cầu chia thừa kế nhà đất này cho 05 người theo ý của bà là không đúng, bà Nguyễn Thị B càng không thể đề nghị được nhận nhà đất bằng hiện vật, 09 người trong hộ ông Nguyễn Thống lúc được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận năm 1996 nay còn lại 05 người còn sống, trong đó có 04 người là thành viên trong gia đình ông và cô em gái Nguyễn Thị Q. Gia đình ông gồm ông, vợ ông và hai con ông cùng sống với cha mẹ ông tại ngôi nhà này từ khi được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì ông là con trai trưởng nên khi còn sống chung, cha mẹ ông thường dặn dò với vợ chồng ông rằng, nếu cha mẹ chết đi con cố gắng giữ ngôi nhà này để thờ tự ông bà. Ngoài ra, cũng tại ngôi nhà này, sau khi mẹ ông chết năm 2015, vợ chồng ông đã nuôi ông Nguyễn Cam bị bệnh tâm thần đến khi chết vào năm 2019, đồng thời vợ chồng ông cũng thường xuyên thăm nuôi em trai Nguyễn Minh bị bệnh xã hội HIV tại Trung tâm xã hội cho đến khi chết vào năm 2014, cho nên vợ chồng ông đã cố gắng thực hiện ý nguyện của cha mẹ ông, vợ chồng ông đã và sẽ tiếp tục thờ tự ông bà, cha mẹ và các em ông tại ngôi nhà này, không bán. Ông và gia đình không có ý định chiếm đoạt ngôi nhà này để ở. Nhưng nay, bà B muốn sở hữu ngôi nhà đất này và thối trả tiền cho 04 anh em khác thông qua việc chia thừa kế, ông và vợ ông không chấp nhận mà muốn để làm nơi thờ tự ông bà, cha mẹ và những người anh em.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Q, Lê Thị V, Nguyễn Đức T, Nguyễn Đức T1 trình bày:* Các ông bà đều thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn về hàng thừa kế, tài sản thừa kế do cha mẹ và ông bà nội để lại. Ông Nguyễn S, ông Nguyễn Bòng trước đây đã được cha mẹ, ông bà nội cho một phần tài sản nên giờ phải có trách nhiệm thờ cúng ông bà tổ tiên. Các ông bà là con gái, con dâu và cháu nội nhưng vẫn muốn thực hiện nguyện vọng

của mình. Trong trường hợp chia thừa kế, các ông bà vẫn muốn trích một phần kỷ phần giao cho cháu đích tôn thực hiện việc thờ cúng. Do vậy, các ông bà đều thống nhất đề nghị Tòa án chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Trà L cùng thống nhất với bị đơn trình bày như sau: Bà Diệu là vợ của ông Nguyễn S, ông V và bà L là con đẻ của ông S và bà D đều thống nhất lời trình bày của ông Nguyễn S. Gia đình các ông bà đã cùng sống với cha mẹ, ông bà tại ngôi nhà này từ khi được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Gia đình không có ý định chiếm đoạt ngôi nhà này để ở. Nhưng nay, bà Bmuốn sở hữu ngôi nhà đất này và thối trả tiền cho 04 anh em khác thông qua việc chia thừa kế, gia đình bà không chấp nhận mà muốn để làm nơi thờ tự ông bà, cha mẹ và những người khác trong gia đình.

Với nội dung nói trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 241/2023/DSST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đã xử và quyết định: Căn cứ: Khoản 5 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, 157, Điều 161, Điều 165, Điều 227, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 213, Điều 623, Điều 645, Điều 650, 651 và khoản 2 Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 2 của Luật Đất đai năm 1993; Án lệ số 06 của Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với bị đơn ông Nguyễn S.

Tuyên xử:

1. Công nhận khối di sản gồm nhà và đất tại thửa đất số 25/1, tờ bản đồ số 01 (Nay là thửa đất số 10, tờ bản đồ số 01 theo Sơ đồ VN2000) có diện tích 127,6m^2, tọa lạc tại địa chỉ số 07 đường Tôn Đản, tổ 22, phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 911055 do Ủy ban nhân dân huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng cũ (Nay là thành phố Đà Nẵng) cấp cho hộ ông Nguyễn Thống ngày 17 tháng 12 năm 1996 là di sản thừa kế của cụ ông Nguyễn Thống và cụ bà Phan Thị Sanh.

2. Về giao hiện vật: Giao cho bà Nguyễn Thị B được quyền sở hữu, sử dụng 02 gian nhà cấp 4 có kết cầu tường xây, mái ngói, nền gạch men có diện tích xây dựng 83m^2 (có sơ đồ 02 ngôi nhà kèm theo bản án) tọa lạc trên phần diện tích đất 127,6m^2 tại thửa đất số 25/1, tờ bản đồ số 01 (Nay là thửa đất số 10, tờ bản đồ số 01 theo Sơ đồ VN2000), tọa lạc tại địa chỉ: số 07 đường Tôn Đản, tổ 22, phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 911055 do Ủy ban nhân dân huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng cũ (Nay là thành phố Đà Nẵng) cấp cho hộ ông Nguyễn Thống ngày 17 tháng 12 năm 1996). Nhà và đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp nhà đất ông Nguyễn Hỷ; Phía

Tây giáp đường Tôn Đản; Phía Nam giáp một phần nhà đất ông Nguyễn S, một phần giáp nhà đất bà Lê Thị V; Phía Bắc giáp nhà đất ông Nguyễn Trường Chiến (05 Tôn Đản). (*Nhà đất có sơ đồ kèm theo Bản án)*.

Bà Nguyễn Thị B được quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật.

3. Về nghĩa vụ thối trả: Buộc bà Nguyễn Thị B phải có nghĩa vụ thối trả cho bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn S mỗi người 957.141.200 đồng *(Chín trăm năm mươi bảy triệu một trăm bốn mươi mốt nghìn hai trăm đồng)*. Buộc bà Nguyễn Thị B phải có nghĩa vụ thối trả cho bà Lê Thị V, ông Nguyễn Đức T, ông Nguyễn Đức T1 mỗi người 319.047.000 đồng *(Ba trăm mười chín triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn đồng)*.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị S. Ông Nguyễn S, bà Nguyễn Thị Q mỗi người phải chịu: 40.714.236 đồng *(Bốn mươi triệu bảy trăm mười bốn ngàn hai trăm ba mươi sáu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Bà Lê Thị V, ông Nguyễn Đức T, ông Nguyễn Đức T1 mỗi người phải chịu 15.952.350 *đồng (Mười lăm triệu chín trăm năm mươi hai ngàn ba trăm năm mươi đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản, chi phí đo đạc là 25.089.000 đồng. Bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn S, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Q mỗi người phải chịu 5.017.800 đồng *(Năm triệu không trăm mười bảy ngàn tám trăm đồng)*. Bà Lê Thị V, ông Nguyễn Đức T, ông Nguyễn Đức T1 mỗi người phải chịu 1.672.600 đồng *(Một triệu sáu trăm bảy mươi hai ngàn sáu trăm đồng)*. Bà Nguyễn Thị B đã nộp và đã chi xong nên buộc ông Nguyễn S, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Q mỗi người phải trả lại cho bà Nguyễn Thị B số tiền 5.017.800 đồng *(Năm triệu không trăm mười bảy ngàn tám trăm đồng);* Buộc bà Lê Thị V, ông Nguyễn Đức T, ông Nguyễn Đức T1 mỗi người phải trả lại cho bà Nguyễn Thị B số tiền 1.672.600 đồng *(Một triệu sáu trăm bảy mươi hai ngàn sáu trăm đồng).*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự biết theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/10/2023, ông Nguyễn S có đơn kháng cáo đề nghị xem xét lại nguyện vọng của ông là mục đích giữ lại ngôi nhà để thờ cúng ông bà, không ở, không mua bán. Ngoài ra, hiện nay ông tuổi cao, sức yếu, không có khả năng đóng án phí quá cao nên đề nghị xem xét miễn án phí cho ông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của ông Nguyễn S thì thấy:

[1.1.] Cụ ông Nguyễn Thống và cụ bà Phan Thị Sanh có 09 người con, trong đó có 02 người con chết khi mới sinh chưa có tên, 07 người con còn lại gồm bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn S, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Bòng, ông Nguyễn Cam, bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Minh. Ngoài ra, cụ ông Nguyễn Thống và cụ bà Phan Thị Sanh không có con riêng nào khác. Ông Nguyễn Bòng chết năm 2018, có vợ là bà Lê Thị V và 02 con là Nguyễn Đức T và Nguyễn Đức T1. Ông Nguyễn Cam, chết năm 2019 và không có vợ con. Ông Nguyễn Minh chết năm 2014 và không có vợ con.

[1.2.] Về nguồn gốc di sản thừa kế nhà và đất: Nguyên thửa đất số 25/1, tờ bản đồ số 1, diện tích 136m^2 đất ở, tọa lạc tại địa chỉ xã Hòa Phát, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam, Đà Nẵng, nay là địa chỉ: Số 07 đường Tôn Đản, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 911055 do Ủy ban nhân dân huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (cũ) cấp cho hộ ông Nguyễn Thống vào ngày 17/12/1996. Theo Quyết định số: 5393/QĐ-UBND ngày 10/11/2010 của UBND quận Cẩm Lệ đã thu hồi 8,2m^2 đất ở để thực hiện việc nâng cấp đường Tôn Đản, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, diện tích thửa đất đến nay còn lại là 127,8m^2. Theo kết quả đo đạc hiện trạng thực tế là 127,6m^2.

[1.3.] Theo kết quả trích lục tàng thư tại Công an quận Cẩm Lệ, tại thời điểm năm 1981 đến năm 1983, hộ ông Nguyễn Thống gồm những người sau: Nguyễn Thống, Phan Thị Sanh, Nguyễn S (họ tên thường gọi Nguyễn Sử), Nguyễn Thị B, Nguyễn Bòng, Nguyễn Cam, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Minh. Tại thời điểm đăng ký nhân khẩu ngày 10/5/1996, hộ ông Nguyễn Thống gồm các thành viên sau: Nguyễn Thống, Phan Thị Sanh, Nguyễn S, Nguyễn Cam, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Minh, Nguyễn Thị D, Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị Trà L. Xét về nguồn gốc đất thì thấy được các cụ Nguyễn Thống và Phan Thị Sanh tạo lập từ trước những năm 1980, đến thời điểm năm 1981 đến 1983, cụ ông Nguyễn Thống đã kê khai sử dụng theo Chỉ thị 299-TTg của Thủ tướng Chính phủ với tổng diện tích 320m^2 đất thổ cư tại thửa đất số 1.074, tờ bản đồ số 1. Đến thời điểm ngày 27/7/1995, cụ ông Nguyễn Thống kê khai theo Nghị định số: 64/NĐ-CP của Chính phủ đối với thửa đất 1074, tờ bản đồ số 01 (Theo đăng ký 64/CP thì là thửa đất số 25/1, tờ bản đồ số 1) diện tích đăng ký chỉ còn 136m^2. Căn cứ kết quả cung cấp thông tin của UBND phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, năm 1995, cụ ông Nguyễn Thống đã tách thửa 1.074 thành 3 thửa, 01 thửa cụ ông Nguyễn Thống vẫn đứng tên, 01 thửa tách ra cho ông Nguyễn S với diện tích 102m^2 (nay là số nhà 09 đường Tôn Đản), 01 thửa cho

ông Nguyễn Bòng với diện tích 99m^2 (nay là số nhà K09/1 đường Tôn Đản). Tuy nhiên xét thấy, trước đây cụ Thống cũng đã tách cho ông Sự và ông Nguyễn Bòng mỗi người 01 thửa, các đồng thừa kế cũng không có tranh chấp di sản thừa kế đối với diện tích đất đã giao cho ông Nguyễn S và ông Nguyễn Bòng nên HĐXX xem xét đối với thửa đất hiện nay đang tranh chấp. HĐXX xét thấy: Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1996 là cấp tên hộ theo chủ trương của Nghị định 64/CP của Chính phủ, không làm căn cứ để xác định tài sản chung của hộ gia đình đối với đất ở tại địa phương, cụ thể là thành phố Đà Nẵng. Như vậy, cấp sơ thẩm xác định nguồn gốc thửa đất số 25/1, nay là thửa đất số 10, tờ bản đồ số 01 theo Sơ đồ VN2000 là của cụ ông Nguyễn Thống tạo lập trong thời kỳ hôn nhân với cụ bà Phan Thị Sanh và là tài sản chung của vợ chồng cụ ông Nguyễn Thống và cụ bà Phan Thị Sanh là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với lời khai ban đầu của ông Nguyễn S thừa nhận nguồn gốc thửa đất để lại là của cụ ông Nguyễn Thống và cụ bà Phan Thị Sanh.

[1.4.] Do cụ Thống và cụ Sanh không để lại di chúc dùng vào việc thờ tự nên xét yêu cầu của bị đơn ông Nguyễn S cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Trà L không đồng ý chia thừa kế, mà dùng tài sản làm nơi thờ cúng là không có căn cứ pháp luật.

[2] Về phân chia di sản thừa kế: Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I911055 do UBND huyện Hòa Vang cấp cho hộ ông Nguyễn Thống ngày 17/12/1996 sau khi trừ đi diện tích thu hồi để nâng cấp đường Tôn Đản thì diện tích đất ở còn lại là 127,8m^2. Theo kết quả đo đạc của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng xác định diện tích đất còn lại 127,6m^2 nên việc lấy kết quả số liệu do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường đo đạc làm căn cứ để giải quyết vụ án là có cơ sở. Căn cứ vào kết quả thẩm định giá tài sản: Giá trị quyền sử dụng đất: 36.903.112 đồng/m^2 x 127,6m^2 đất ở trị giá 4.708.837.091 đồng. Giá trị công trình xây dựng trên đất 76.869.280 đồng. Tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là: 4.785.706.000 đồng.

[3] Cụ ông Nguyễn Thống và cụ bà Phan Thị Sanh chết không để lại di chúc nên di sản của các cụ được chia theo pháp luật. Di sản của cụ ông Nguyễn Thống và cụ bà Phan Thị Sanh được chia cho 05 kỷ phần gồm bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn S, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Bòng (chết nên vợ bà Lê Thị V và các con của ông Bòng gồm ông Nguyễn Đức T và ông Nguyễn Đức T1 được hưởng) và bà Nguyễn Thị Q, mỗi người được hưởng kỷ phần trị giá: 4.785.706.000 đồng : 5 là 957.141.200 đồng/suất. Bà Lê Thị V, ông Nguyễn Đức T và ông Nguyễn Đức T1 mỗi người được hưởng 1 kỷ phần của ông Nguyễn Bòng để lại là 957.141.200 đồng : 3 là 319.047.000 đồng/người.

[4] Trước đây ngôi nhà có ông Minh và ông Cam ở sau khi cha mẹ chết. Hiện nay ngôi nhà không có ai ở. Còn ông Nguyễn S, bà Lê Thị V cùng các con ông Nguyễn Bòng hiện đã có chỗ ở ổn định, cụ thể ông Nguyễn S hiện đang sống tại nhà

số 09 đường Tôn Đản, phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, vợ con ông Nguyễn Bòng ở tại nhà K09/01 đường Tôn Đản; các đồng thừa kế khác gồm bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Q đều thống nhất giao hiện vật nhà và đất cho bà Nguyễn Thị B nhận bằng hiện vật và thối trả kỷ phần cho những hàng thừa kế khác nên việc cấp sơ thẩm giao nhà và đất cho bà Nguyễn Thị B được sở hữu, sử dụng tài sản thừa kế và thối trả kỷ phần cho các hàng thừa kế khác là hoàn toàn phù hợp.

[5] Buộc bà Nguyễn Thị B phải có nghĩa vụ thối trả cho bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn S mỗi người 957.141.200 đồng; thối trả cho bà Lê Thị V, ông Nguyễn Đức T, ông Nguyễn Đức T1 mỗi người 319.047.000 đồng.

[6] Về án án phí DSST: Bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị S thuộc diện người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị Q phải chịu: 40.714.236 đồng. Bà Lê Thị V, ông Nguyễn Đức T, ông Nguyễn Đức T1, mỗi người phải chịu 15.952.350 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn S thuộc diện người cao tuổi, không có đơn xin miễn án phí . Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn S có đơn xin miễn và có kháng cáo nội dung này nên HĐXX xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn S. Đây không phải do lỗi chủ quan của Thẩm phán.

[7] Về các chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng, chi phí định giá tài sản 18.000.000 đồng, chi phí đo đạc 4.089.000 đồng; Tổng cộng là 25.089.000 đồng, Do bà Nguyễn Thị B đã nộp và đã chi xong nên xét buộc ông Nguyễn S, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Q, mỗi người phải trả lại cho bà Nguyễn Thị B số tiền 5.017.800 đồng; bà Lê Thị V, ông Nguyễn Đức T, ông Nguyễn Đức T1 phải trả lại cho bà Nguyễn Thị B số tiền 1.672.600 đồng.

[8] Từ những nhận định trên, HĐXX xét thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn S về việc để lại di sản nhà và đất dùng làm nơi thờ tự. Chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Nguyễn S về phần án phí.

[9] Do chấp nhận một phần kháng cáo nên ông Nguyễn S không phải chịu án phí DSPT. Tuy nhiên, ông thuộc trường hợp được xét miễn toàn bộ án phí nên số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm sẽ được hoàn trả lại cho ông Nguyễn S.

[10] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa Bản án dân sự sơ thẩm về phần án phí. Không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Nguyễn S về di sản thừa kế dùng vào việc thờ cúng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 623, Điều 645, Điều 650, 651 và khoản 2 Điều 660 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn S.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 241/2023/DSST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng về phần án phí.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B đối với bị đơn ông Nguyễn S về việc *''Tranh chấp thừa kế tài sản''*.

Tuyên xử:

3.1. Công nhận khối di sản gồm nhà và đất tại thửa đất số 25/1, tờ bản đồ số 01 (Nay là thửa đất số 10, tờ bản đồ số 01 theo Sơ đồ VN2000) có diện tích 127,6m^2, tọa lạc tại địa chỉ số 07 đường Tôn Đản, tổ 22 phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 911055 do Ủy ban nhân dân huyện Hòa Vang cấp ngày 17/12/1996 cho Hộ ông Nguyễn Thống là di sản thừa kế của cụ ông Nguyễn Thống và cụ bà Phan Thị Sanh.

3.2. Giao cho bà Nguyễn Thị B được quyền sở hữu, sử dụng 02 gian nhà cấp 4 có kết cầu tường xây, mái ngói, nền gạch men có diện tích xây dựng 83m^2 (có sơ đồ 02 ngôi nhà kèm theo bản án) tọa lạc trên phần diện tích đất 127,6m^2 tại thửa đất số 25/1, tờ bản đồ số 01 (Nay là thửa đất số 10, tờ bản đồ số 01 theo Sơ đồ VN2000), tọa lạc tại địa chỉ: số 07 đường Tôn Đản, tổ 22 phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 911055 do Ủy ban nhân dân huyện Hòa Vang cấp ngày 17/12/1996 cho Hộ ông Nguyễn Thống. Có tứ cận như sau: Phía Đông giáp nhà đất ông Nguyễn Hỷ; Phía Tây giáp đường Tôn Đản; Phía Nam giáp một phần nhà đất ông Nguyễn S, một phần giáp nhà đất bà Lê Thị V; Phía Bắc giáp nhà đất ông Nguyễn Trường Chiến số 05 đường Tôn Đản. (Có sơ đồ cụ thể kèm theo).

3.3. Bà Nguyễn Thị B được quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật.

3.4. Buộc bà Nguyễn Thị B phải có nghĩa vụ thối trả cho bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn S, mỗi người: 957.141.200 đồng *(Chín trăm năm mươi bảy triệu một trăm bốn mươi mốt nghìn hai trăm đồng).* Buộc bà Nguyễn Thị B phải có nghĩa vụ thối trả cho bà Lê Thị V, ông Nguyễn Đức T, ông Nguyễn Đức T1 mỗi người 319.047.000 đồng/người. *(Ba trăm mười chín triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).*

3.5. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí DSST: Xét miễn toàn bộ án phí cho bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn S. Bà Nguyễn Thị Q phải chịu: 40.714.236 đồng *(Bốn mươi triệu bảy trăm mười bốn ngàn hai trăm ba mươi sáu đồng)*. Bà Lê Thị V, ông Nguyễn Đức T, ông Nguyễn Đức T1, mỗi người phải chịu 15.952.350 *đồng (Mười lăm triệu chín trăm năm mươi hai ngàn ba trăm năm mươi đồng)*.

5. Về chi phí tố tụng: Tổng cộng là 25.089.000 đồng. Bà Nguyễn Thị B đã nộp và đã chi xong nên buộc ông Nguyễn S, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Q mỗi người phải trả lại cho bà Nguyễn Thị B số tiền 5.017.800 đồng *(Năm triệu không trăm mười bảy ngàn tám trăm đồng);* Buộc bà Lê Thị V, ông Nguyễn Đức T, ông Nguyễn Đức T1 mỗi người phải trả lại cho bà Nguyễn Thị B số tiền 1.672.600 đồng *(Một triệu sáu trăm bảy mươi hai ngàn sáu trăm đồng).*

6. Án phí DSPT: Hoàn trả lại cho ông Nguyễn S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001998 ngày 13/11/2023 tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Chi cục THA dân sự quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bé